

Số: 10/2010/NQ-HĐND

Pleiku, ngày 16 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**V/v thông qua mức thu phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI
(Từ ngày 14/7 đến ngày 16/7 năm 2010)**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ pháp lệnh phí, lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 26/2010/NĐ-CP ngày 22/3/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1725/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh Gia Lai về việc quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu tại kỳ họp thứ Hai mươi Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa IX,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai như nội dung Tờ trình số 1725/TTr-UBND ngày 17/6/2010 của UBND tỉnh Gia Lai. Cụ thể như sau:

I. Đối với nước thải sinh hoạt:

1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: Là các tổ chức, hộ gia đình có sử dụng hệ thống cấp nước sạch và tự khai thác nước

sạch cho sinh hoạt (đối với khu vực có hệ thống nước sạch nhưng không sử dụng trong hệ thống cấp nước mà tự khai thác để sử dụng) có thải ra môi trường gồm:

- Hộ gia đình;
- Cơ quan nhà nước;
- Đơn vị vũ trang nhân dân;
- Trụ sở điều hành, văn phòng của các tổ chức, cá nhân;
- Các cơ sở rửa ô tô, xe máy;
- Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác;
- Các đối tượng khác có nước thải không thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

2. Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường:

- Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện, nước tuần hoàn trong các nhà máy, cơ sở sản xuất, kinh doanh;
- Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra;
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch;
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn, bao gồm:
 - + Các xã thuộc biên giới, miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Chính phủ về xã biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa);
 - + Các xã không thuộc đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV và V theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về phân loại đô thị.

3. Mức thu phí:

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được tính 5% (trong mức tối đa không quá 10%) trên giá bán của 1m^3 (một mét khối) nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh (cả cho đối tượng tự khai thác nước sinh hoạt nơi có hệ thống cấp nước sạch). Riêng đối tượng tự khai thác nước sạch sử dụng sinh hoạt được tính mức bình quân chung là $3\text{m}^3/\text{tháng}/\text{đầu người}$ (căn cứ vào số khẩu trong mỗi hộ gia đình; số lao động, cán bộ, công nhân viên của tổ chức, cơ quan, đơn vị, cơ quan sản xuất, kinh doanh, dịch vụ).

4. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được:

a. Đối với đơn vị cung cấp nước sạch: Tỷ lệ trích để lại trang trải chi phí cho đơn vị thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt không quá 10% trên tổng số phí thu được.

b. UBND xã, phường: Tỷ lệ trích để lại không quá 15% trên tổng số phí thu được đối với trường hợp tự khai thác nước để trang trải chi phí cho việc thu phí

bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của đối tượng này.

c. Phần còn lại (sau khi trừ đi số tiền phí để lại cho đơn vị thu phí theo quy định) nộp 100% vào ngân sách địa phương để sử dụng cho việc bảo vệ môi trường, đầu tư mới, nạo vét cống rãnh, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước tại địa phương, bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương, trả nợ vay đối với các khoản vay của các dự án thoát nước thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

II. Đối với nước thải công nghiệp:

- Việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thực hiện theo Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP, Nghị định số 26/2010/NĐ-CP ngày 22/3/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Bãi bỏ nội dung về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại công văn số 14/CV-HĐ ngày 06/4/2004 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định và tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa IX, Kỳ họp thứ Hai mươi thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2010 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thủ tướng CP;
- VP QH, VP CP;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- VP. UBND tỉnh (đăng Công báo);
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP,
- Lưu: VT-HĐ (HL.170).

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Thu